

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 23 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thê Phương

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2021/QĐXX-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Trụ sở chính: Số 35, Hàng V, Lý Thái T, Quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

2. Anh Nguyễn Hoàng M;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Nguyễn Hoàng P;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Nguyễn Văn N;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Văn T1;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Phương Đ;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

7. Anh Nguyễn Hoàng Đ;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Nguyễn Việt H;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Nguyễn Thành V;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

11. Chị Nguyễn Thị L;

Địa chỉ: Ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hoàng T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Võ Thị C trình bày:

Bà và ông T chung sống vào tháng 7/1974, khoảng 01-02 năm thì cha, mẹ chồng cho ra ở riêng và cho phần đất 10 công tầm lớn, sau đó, bà và ông T đổi đất với ông Nguyễn Việt H, do phần đất của ông H nhiều hơn khoảng 04 công nên bà và ông T cố phần đất cho ông Nguyễn Văn T1 lấy vàng trả một phần cho ông H, phần còn lại để cải tạo ruộng. Đến năm 1996 phần đất được cấp giấy chứng nhận với diện tích 24.360m² do ông T đứng tên. Năm 2002 bà và ông T sống ly thân, đến năm 2011 ông T thỏa thuận phân chia cho bà một phần đất, sau khi được phân chia bà đã lên bờ ranh riêng để sử dụng; đến năm 2018 thì ông T và con là Nguyễn Hoàng M lấy phần đất lại cho ông Nguyễn Thành V thuê. Khi giải quyết vụ án ly hôn giữa bà với ông T vào năm 2018, Tòa án đã

kết hợp với các cơ quan chuyên môn xuống xem xét, thẩm định phần đất, ông T thống nhất khi hết thời hạn cho ông V thuê thì sẽ giao lại phần đất trên cho bà nên bà không yêu cầu phân chia về tài sản. Khi hết thời hạn cho ông V thuê, ông T lấy phần đất giao lại cho Nguyễn Hoàng M quản lý mà không giao lại cho bà được quyền sử dụng.

Do phần đất là tài sản chung chưa phân chia nên bà yêu cầu hưởng giá trị đất đã được ông T phân chia từ trước theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ với diện tích là 8.422,5m² với giá trị 40.000 đồng/m²; trường hợp ông T không đồng ý trả bằng giá trị thì bà C yêu cầu nhận đất và được quyền tách giấy chứng nhận. Bà đồng ý cùng với ông T trả khoản tiền vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh.

Đối với phần đất cầm cố cho ông Nguyễn Phương Đ, bà thỏa thuận giao cho ông T hưởng nhưng có nghĩa vụ trả sổ vàng cho ông Đ và bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Vào năm 1970 ông chung sống với người vợ cũ (tên Ngô Thị P), đến năm 1971 được cha, mẹ cho phần đất khoảng 19.000m², đến năm 1973 ông ly hôn với bà P. Đến năm 1974 ông về chung sống với bà C. Do phần đất của ông ở trong hậu nên giữa ông và bà C thỏa thuận đổi đất với ông Nguyễn Việt H, do phần ít hơn của ông H 04 công nên ông H yêu cầu ông T cầm cố 04 công (trên hậu đất) cho ông Nguyễn Văn T1 (em ruột ông H) lấy vàng trả cho ông H, phần còn lại cải tạo vuông. Đến năm 1996 ông được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận. Năm 2003 ông và bà C sống ly thân, ông chung sống với con là Nguyễn Hoàng Đ, bà C sống với con là Nguyễn Hoàng M; đến năm 2011 hợp gia đình phân chia phần đất làm hai phần và lên ranh sử dụng riêng từ đó đến nay. Sau khi nhận đất thì bà C sử dụng 01 năm thì cho ông Nguyễn Thành V thuê 09 năm, hết thời hạn thuê thì bà C với Hoàng Mộng thỏa thuận cho thuê tiếp nhưng mẹ con tranh chấp tiền cho thuê nên bà C mới khởi kiện vụ án này.

Từ những nguyên nhân trên, ông không đồng ý giao giá trị đất đã phân chia theo yêu cầu của bà C. Ông thống nhất giữ nguyên phần đất theo đo đạc thực tế cho bà C diện tích 8.422,5m² và ông hưởng diện tích 12.403,7m². Ông không đồng ý tách quyền sử dụng, bà C được quyền sử dụng nhưng không được sang bán cho người khác và bà C phải có trách nhiệm trả đối với khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Đ.

Đối với phần đất cầm cố cho ông Nguyễn Phương Đ, ông thống nhất sẽ trả vàng cho ông Đ, chuộc lại phần đất và sau này để lại cho các con. Đối với phần đất ông hưởng có phần cầm cố cho anh N, ông sẽ thỏa thuận để chuộc lại đất và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần B trình bày:

Ngày 25/7/2003, ông Nguyễn Hoàng T và bà Võ Thị C ký hợp đồng tín dụng số 9524/HĐ với Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Cà Mau (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần B Chi nhánh Đất Mũi (BIDV Đất Mũi)) vay số tiền 28.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay vốn: Nuôi tôm với mức lãi suất là 1,1%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 1,65%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất số H134256, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 20/5/1996, đất tọa lạc tại xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Do bà C yêu cầu phân chia tài sản là diện tích đất nên BIDV Đất Mũi yêu cầu ông T, bà C thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ đến ngày 26/01/2021 là 107.634.767 đồng. Trong đó nợ gốc 28.000.000 đồng, nợ lãi là 79.634.767 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán nợ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hoàng P, anh Nguyễn Hoàng M, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Việt H và ông Nguyễn Phương Đ: Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Thị H: Các đương sự từ chối nhận các văn bản tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

Bà C được hưởng phần đất có diện tích 8.422,5m² tại ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nằm trong Giấy chứng nhận số H 134256 do ông Nguyễn Hoàng T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/5/1996.

Ông Nguyễn Hoàng T được hưởng phần đất có diện tích 12.403,7m² tại ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nằm trong Giấy chứng nhận số H 134256 do ông T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/5/1996.

Bà C và ông T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, hoàn tất thủ tục chuyển tên đối với phần đất bà C được phân chia theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông T gây khó khăn thì bà C được quyền chủ động đi đăng ký, kê khai, làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2020)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/4/2021 bị đơn ông Nguyễn Hoàng T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà C đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn, ông T: giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu bác đơn khởi kiện về chia tài sản chung của bà C. Ông đồng ý chia quyền sử dụng đất để bà C canh tác, nhưng không đồng ý chuyển tên cho bà C vì bà C sang bán đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, bà C được hưởng phần đất có diện tích 8.422,5m², ông Nguyễn Hoàng T được hưởng phần đất 12.403,7m²; ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo, ông T đồng ý chia quyền sử dụng đất cho bà C là 8.422,5m² để bà canh tác nhưng không đồng ý chuyển cho bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy: Bà C và ông T chung sống với nhau tháng 7 năm 1974, ly hôn ngày 30/5/2018. Ly thân năm 2002, tài sản tự phân chia từ năm 2011 theo đó bà C nhận phần đất có diện tích 8.422,5m², ông T nhận phần đất 12.403,7m² tại ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ. Quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ông T đồng ý với thỏa thuận phân chia này nhưng bà C chỉ được sử dụng chứ không được sang bán vì đất được cha mẹ ông cho nên ông không đồng ý chuyển tên cho bà C. Với ý kiến này của ông T là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Nguồn gốc đất được cha mẹ ông T cho từ sau khi ông bà chung sống, ông T và bà C xác nhận cho chung, là tài sản chung, việc thừa nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung thể hiện tại hồ sơ ly hôn năm 2018; trên thực tế hai đương sự đã tự phân chia từ năm 2011, bà C chỉ được nhận tương đương 1/3 diện tích, ông T nhận khoảng 2/3 diện tích, việc phân chia này bà C đồng ý. Xét thấy, nguồn gốc đất được cha mẹ ông T tặng cho nên ông T được chia phần nhiều hơn là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà C về việc chia tài sản chung là

có căn cứ pháp luật. Bà C và ông T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, hoàn tất thủ tục chuyển tên đối với phần đất bà C được phân chia theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông T gây khó khăn thì bà C được quyền chủ động đi đăng ký, kê khai, làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm ông T được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2021/HNGĐ-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 1 Điều 29 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C

1.1. Bà C được hưởng phần đất có diện tích 8.422,5m² tại ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nằm trong Giấy chứng nhận số H 134256 do ông Nguyễn Hoàng T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/5/1996. Phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp đất cổ cho ông Nguyễn Phương Đ (M3M4), dài 32,62m.

- Phía Tây giáp Kinh Tư Trứ (M1M9), dài 23,27m, giáp đất ông T được hưởng (M11M12), dài 7,52m.

- Phía Nam giáp đất ông T được hưởng, đoạn M9M11, dài 128,6m và đoạn M12M4, dài 146,57m.

- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn V (M1M2M3), dài 282,19m.

1.2. Ông Nguyễn Hoàng T được hưởng phần đất có diện tích 12.403,7m² tại ấp C, xã Quách Phẩm B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nằm trong Giấy chứng nhận số H 134256 do ông T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 14/5/1996. Phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp phần đất cầm cố cho ông Đ (M4M5), dài 31,54m.

- Phía Tây giáp Kinh Tư Trứ (M8M9), dài 39,65m, giáp đất ông Tấn (M6M7), dài 24,93m.

- Phía Nam giáp đất ông Tấn, đoạn M5M6, dài 238,78m và đoạn M7M8, dài 24,54m.

- Phía Bắc giáp đất bà C được hưởng, đoạn M9M11, dài 128,6m và đoạn M12M4, dài 146,57m.

Bà C và ông T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, hoàn tất thủ tục chuyển tên đối với phần đất bà C được phân chia theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông T gây khó khăn thì bà C được quyền chủ động đi đăng ký, kê khai, làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. (Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2020)

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà C và ông T mỗi người phải chịu 3.407.500 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng và thanh toán số tiền 6.815.000 đồng, đối trừ số tiền phải chịu thì bà C được nhận lại số tiền 3.407.500 đồng. Ông T có nghĩa vụ nộp số tiền 3.407.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để hoàn trả cho bà C.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí phân chia tài sản: Miễn cho các đương sự.

4. Án phí phúc thẩm, ông T được miễn.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

